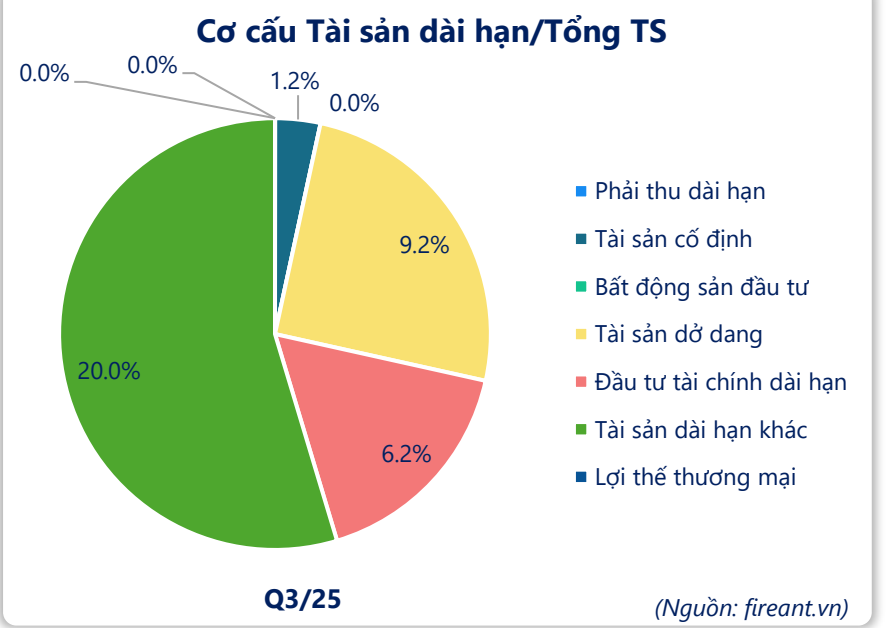
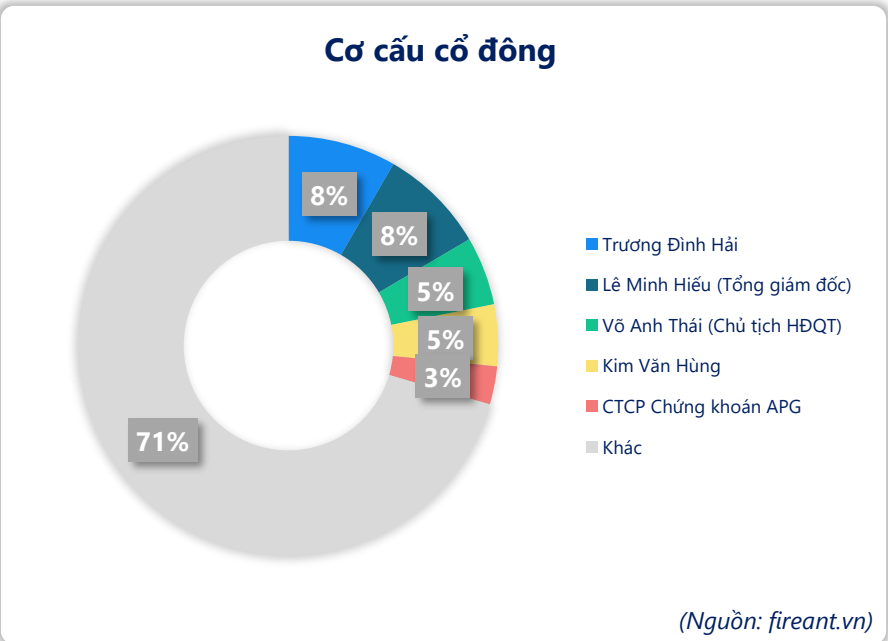
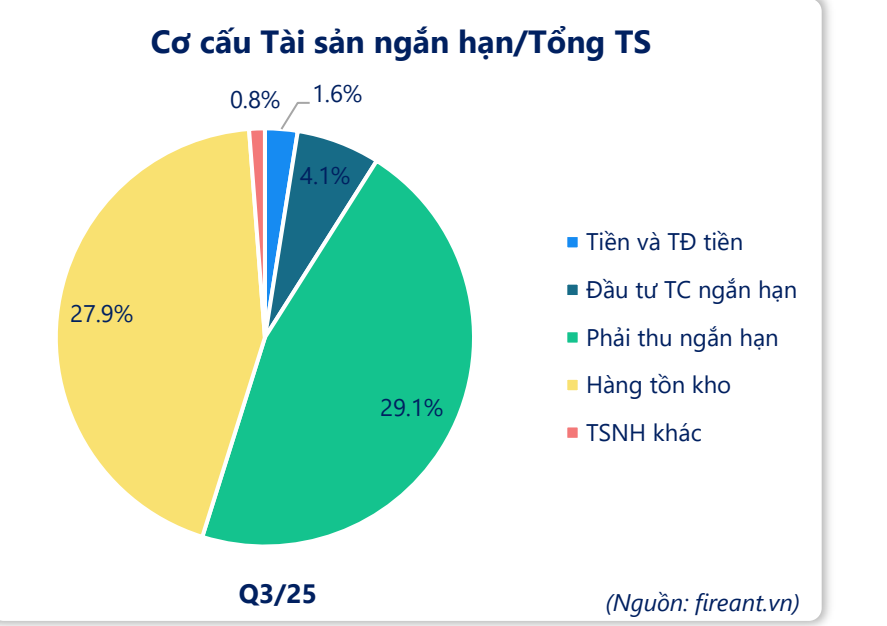
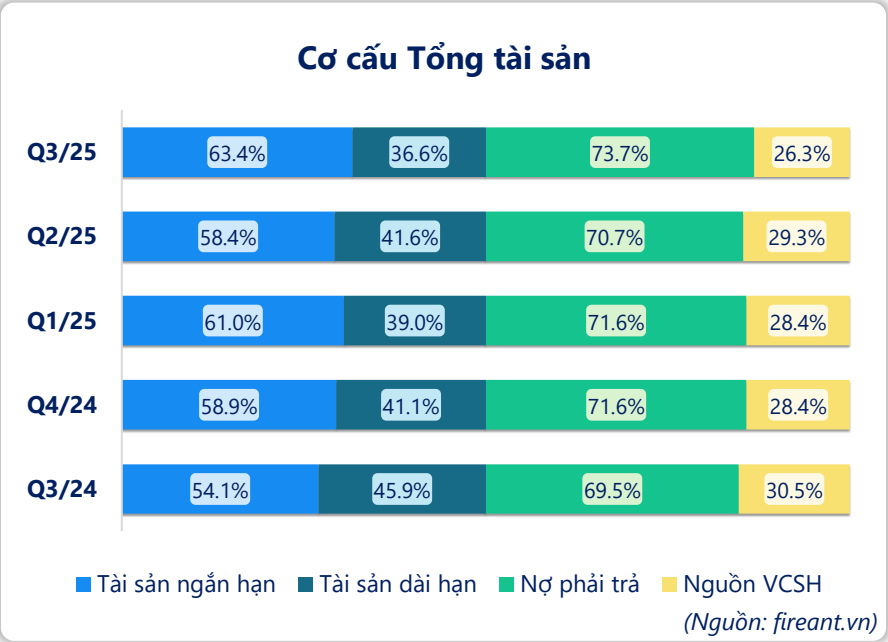
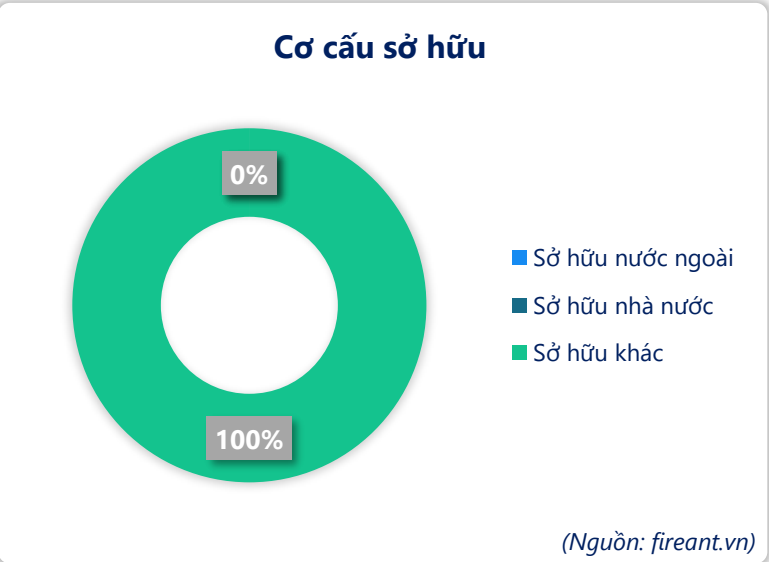
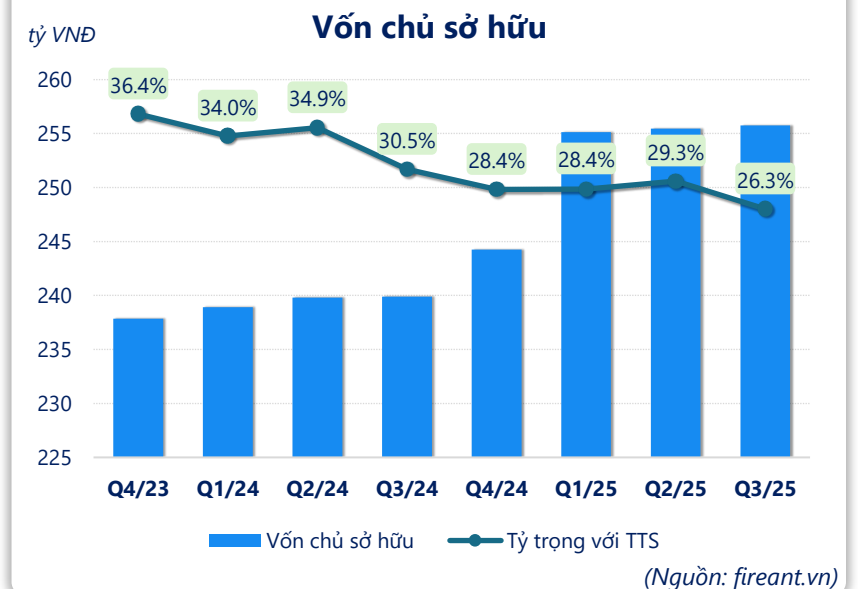
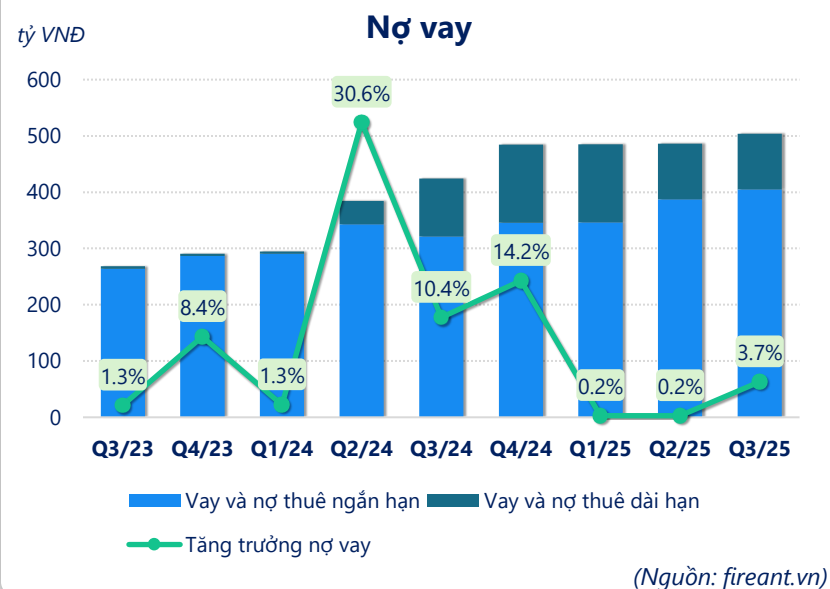
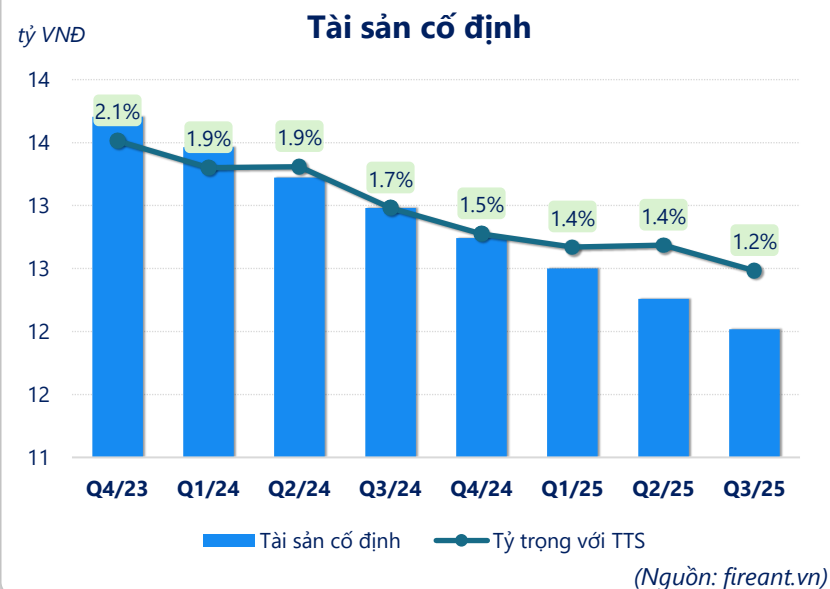
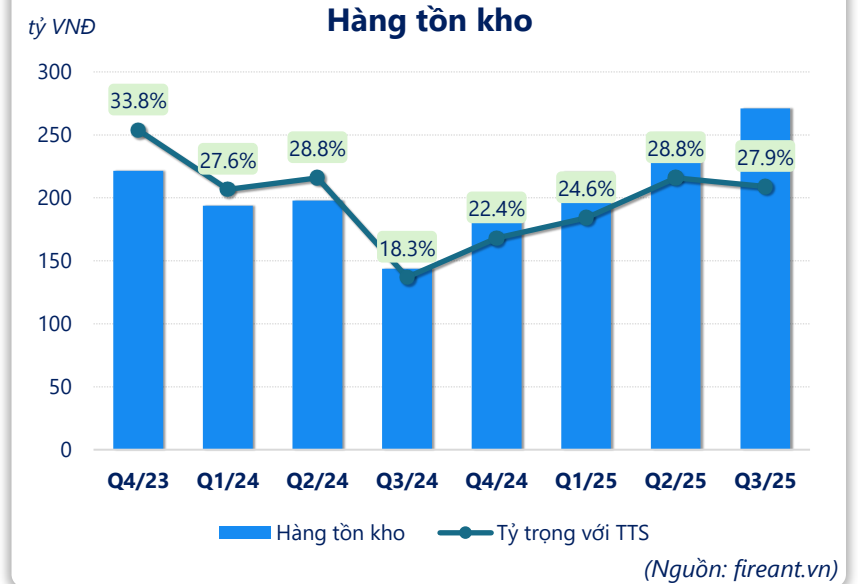
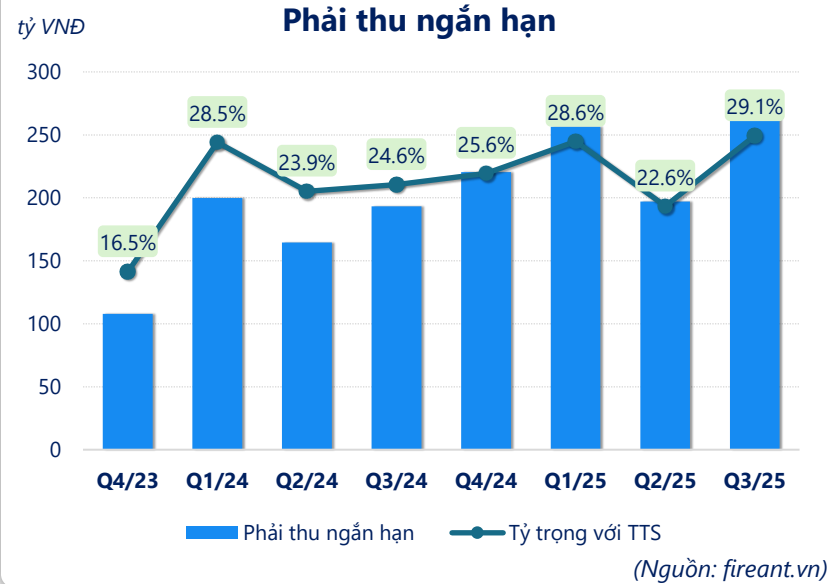
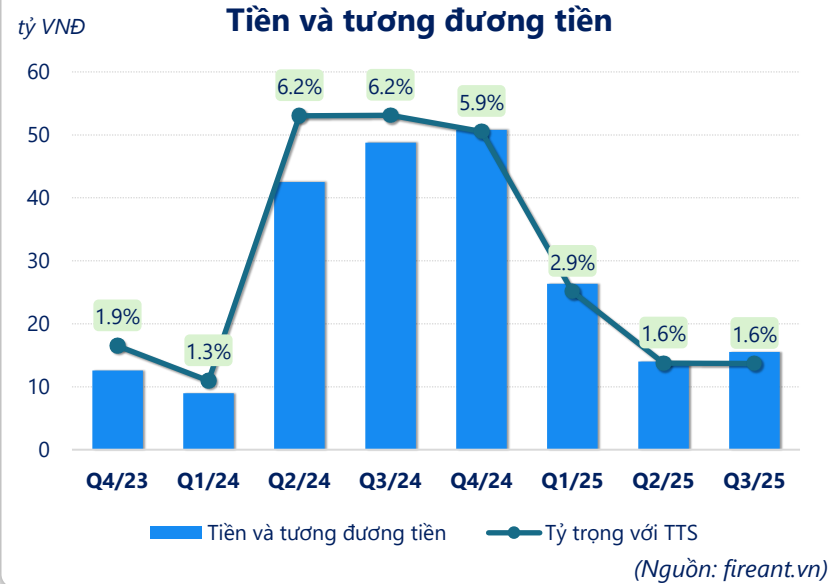
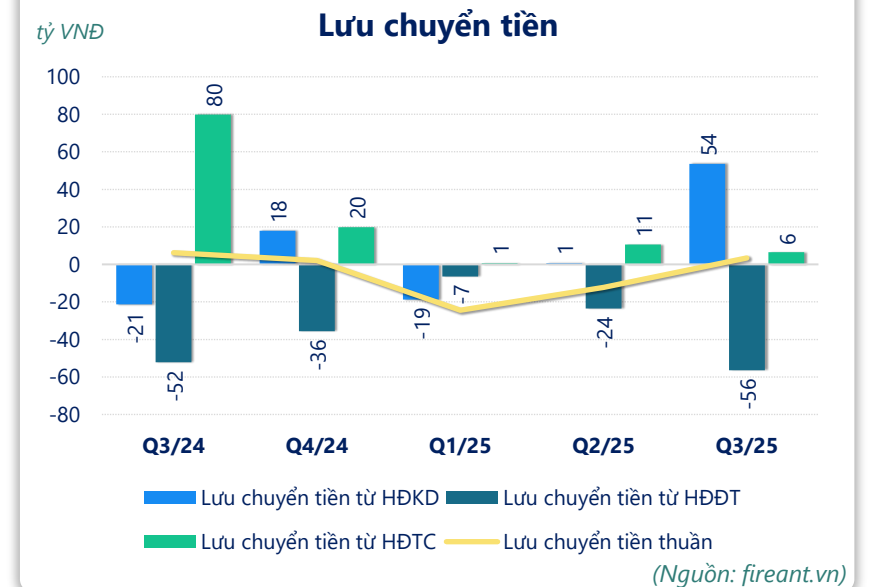
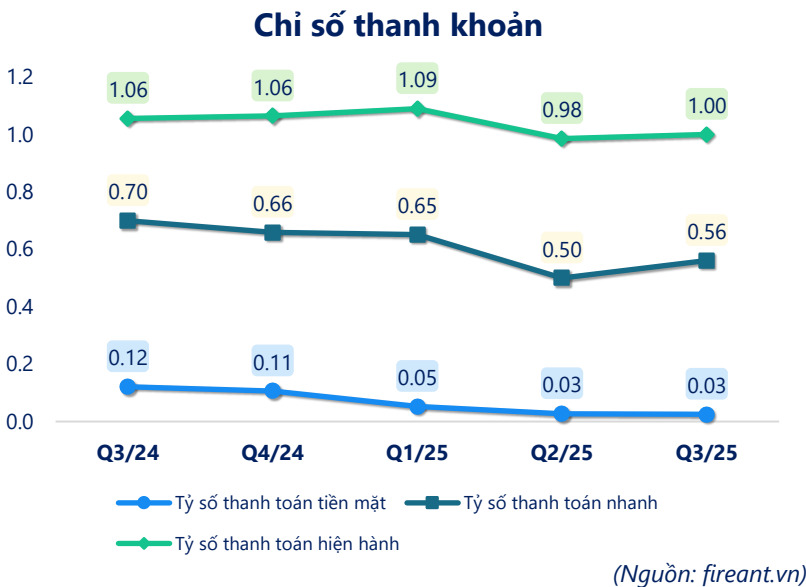
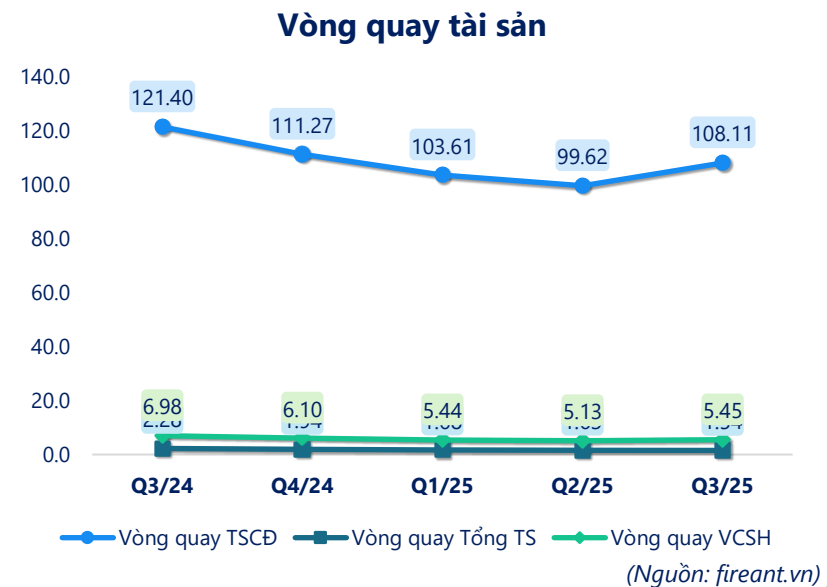
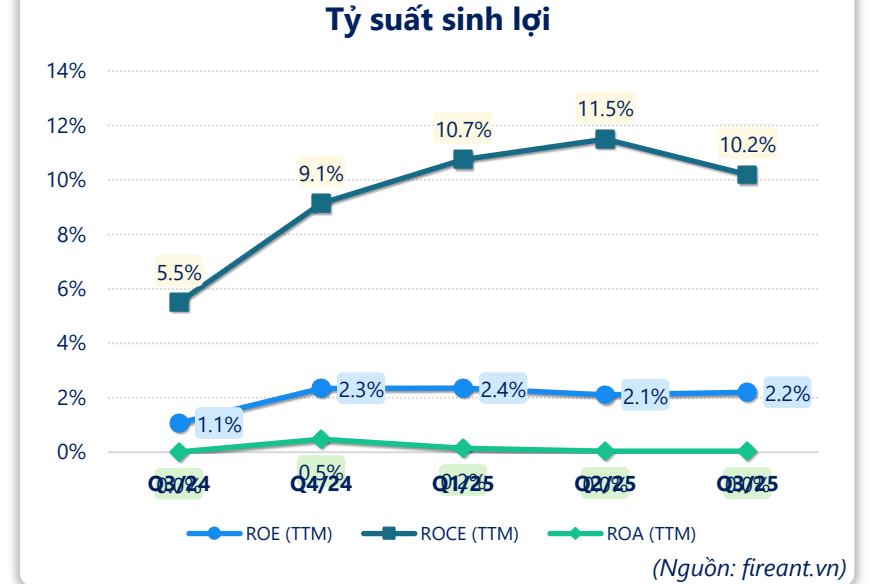
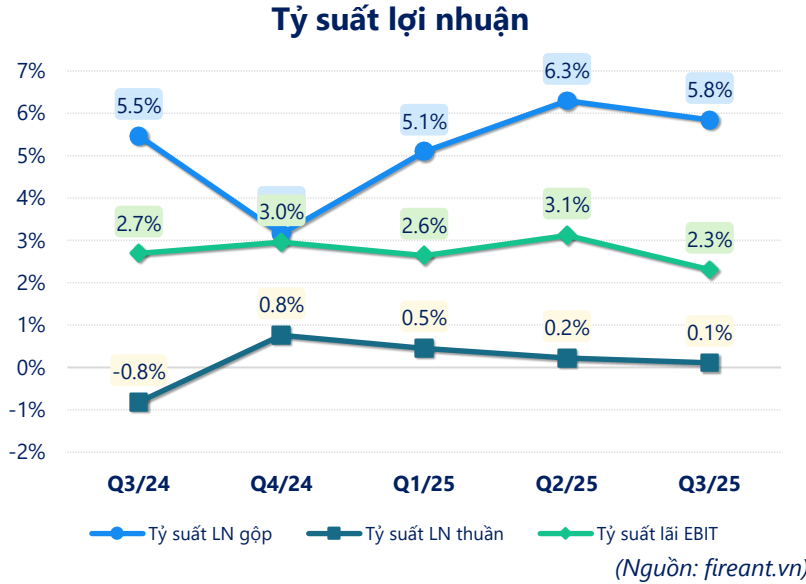
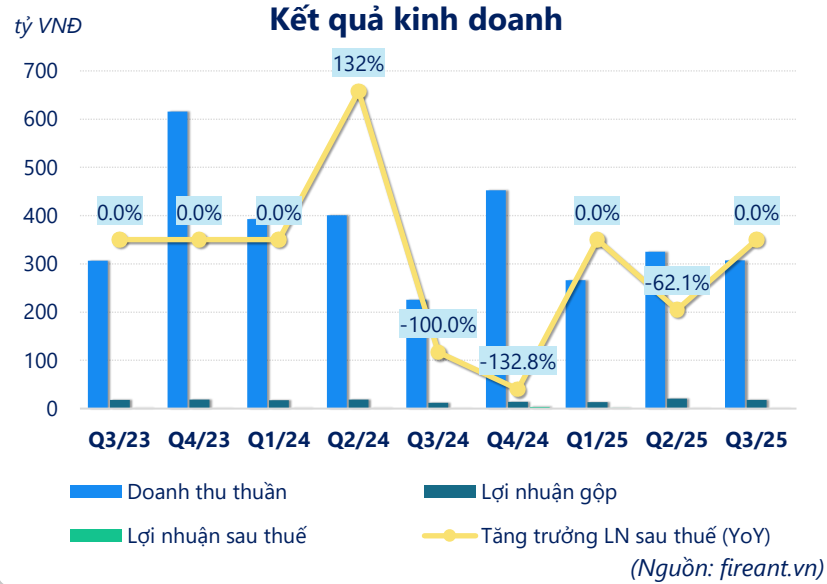


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,230
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,330
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,110
SL cổ phiếu LH		24,211,190
KLGD BQ 20 phiên (CP)		62,210
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		78
P/E		14.3
EPS		226

	YTD	1T	3T	6T
TDG	-9.8%	-5.0%	-0.6%	-22.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	973	861	12.9%
Tài sản ngắn hạn	617	508	21.5%
Tiền và tương đương tiền	15.5	50.8	-69.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.9	39.0	2.3%
Phải thu ngắn hạn	283	221	28.3%
Hàng tồn kho	271	193	40.3%
Tài sản ngắn hạn khác	7.48	4.24	76.5%
Tài sản dài hạn	356	354	0.6%
Phải thu dài hạn	0.06	0.06	0.0%
Tài sản cố định	12.0	12.7	-5.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	89.3	56.6	57.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	60.0	60.0	0.1%
Tài sản dài hạn khác	194	224	-13.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	717	617	16.2%
Nợ ngắn hạn	617	477	29.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	405	345	17.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	54.2	128	-57.6%
Nợ dài hạn	99.8	140	-28.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	99.0	139	-28.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	256	244	4.7%
Vốn chủ sở hữu	256	244	4.7%
Vốn điều lệ	242	232	4.2%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	225	453	266	325	307
Giá vốn hàng bán	213	438	253	305	290
Lợi nhuận gộp	12.3	14.3	13.6	20.5	18.0
Doanh thu HĐTC	0.01	0.91	0.01	0.76	0.00
Chi phí TC	5.99	9.95	5.82	9.41	6.79
Chi phí lãi vay	5.99	9.95	5.82	9.41	6.79
LN trong công ty LKLD	0	0	0.01	-0.05	0.27
Chi phí bán hàng	6.64	0.84	5.29	10.3	10.2
Chi phí QLDN	1.54	0.95	1.25	0.73	0.95
LN thuần từ HĐKD	-1.84	3.44	1.21	0.73	0.34
Lợi nhuận khác	1.92	0.00	0.00	0.00	-0.02
LN trước thuế	0.08	3.44	1.21	0.73	0.31
Lợi nhuận sau thuế	0.08	3.63	1.21	0.31	0.31
LNST của CĐ cty mẹ	0.08	3.63	1.21	0.31	0.31

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-21.3	17.9	-18.7	0.62	53.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-52.2	-35.6	-6.50	-23.5	-56.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	79.8	19.8	0.78	10.6	6.45
Tiền đầu kỳ	42.5	48.7	50.8	26.3	14.0
Lưu chuyển tiền thuần	6.22	2.03	-24.4	-12.3	3.50
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	48.7	50.8	26.3	14.0	15.5

(Nguồn: fireant.vn)